

Câu hỏi đuôi (Question Tag) trong Tiếng Anh

1. Nguyên tắc chung khi lập câu hỏi đuôi:

- Nếu câu nói trước dấu phẩy là câu khẳng định, câu hỏi đuôi phải ở thể phủ định.
- Nếu câu nói trước dấu phẩy là câu phủ định, câu hỏi đuôi phải ở thể khẳng định

2. Cấu tạo chung của câu hỏi đuôi:

Câu hỏi đuôi gồm một trợ động từ tương ứng với thì được dùng trong câu nói trước dấu phẩy, có NOT hoặc không có NOT và một đại từ nhân xưng tương ứng với chủ ngữ của câu nói trước dấu phẩy.

Ví dụ:

- She is tall, isn't she?
- He has closed the window, hasn't he?
- Your mother was born in Hanoi, wasn't she?

Có một chú ý là nếu người hỏi xuống giọng ở cuối câu hỏi thì thực sự họ không muốn hỏi mà là đang trông chờ người ta đồng ý với điều mình nói. Khi lên giọng ở cuối câu hỏi thì mới là một câu hỏi thật sự và bạn muốn nhận được câu trả lời.

Cấu trúc:

Đối với động từ thường (ordinary verbs)

Câu giới thiệu khẳng định, phần hỏi đuôi phủ định.

S + V(s/es/ed/2)....., don't/doesn't/didn't + S?

Câu giới thiệu phủ định, phần hỏi đuôi khẳng định

S + don't/ doesn't/didn't + V....., do/does/did + S?

Hiện tại đơn với TO BE:	- he is handsome, is he? = Anh ấy đẹp trai, đúng không?
-------------------------	---

	– You are worry, aren't you? = Bạn đang lo lắng, phải không?
Hiện tại đơn động từ thường: mượn trợ động từ DO hoặc DOES tùy theo chủ ngữ	- They like me, don't they? – she loves you, doesn't she?
Thì quá khứ đơn với động từ thường: mượn trợ động từ DID, quá khứ đơn với TO BE: WAS hoặc WERE:	- He didn't come here, did he? – He was friendly, wasn't he?
Thì hiện tại hoàn thành hoặc hiện tại hoàn thành tiếp diễn: mượn trợ động từ HAVE hoặc HAS	- They have left, haven't they? – The rain has stopped, hasn't they?
Thì quá khứ hoàn thành hoặc quá khứ hoàn thành tiếp diễn: mượn trợ động từ HAD:	- He hadn't met you before, had he ?
Thì tương lai đơn	- It will rain, won't it?

Hãy chú ý tới ý nghĩa của “yes và no” trong câu trả lời đối với câu hỏi phủ định:

- You're not going out today, are you? (*Hôm nay bạn không đi chơi phải không?*)
- Yes. (=Yes, I am going out) Có. (=Có, tôi có đi chơi)
- No. (=No, I am not going out) Không. (=Không, tôi không đi chơi)

3. Một số trường hợp cần lưu ý:

a. Câu hỏi đuôi của “I am” là “aren't I”

Ex: I **am** a sophomore, **aren't** I

b. Câu hỏi đuôi của “Let's” là “shall we”

Ex: **Let's** go camping, **shall we**?

c. Chủ ngữ là "Everyone, someone, anyone, no one, nobody..." câu hỏi đuôi là "they"

Ex: **Somebody** called my name, didn't **they**?

Nobody answered, did **they**?

d. Chủ ngữ là "nothing" thì câu hỏi đuôi dùng "it"

Ex: **Nothing** can prevent us from fulfilling the task, can **it**?

e. Trong câu có các trạng từ phủ định và bán phủ định như: never, seldom, hardly, scarcely, little... thì câu đó được xem như là câu phủ định – phần hỏi đuôi sẽ ở dạng khẳng định

Ex: – He **seldom goes** swimming, **does** he?

f. **Used to**: từng (diễn tả thói quen, hành động thường lặp đi lặp lại trong quá khứ)

– Trường hợp này, ta cứ việc xem **Used to** là một động từ chia ở thì quá khứ. Do đó, câu hỏi đuôi tương ứng chỉ cần mượn trợ động từ **Did**

– Ví dụ: He **used to** live here, **didn't he**?

g. **Had better**

– **Had better** thường được viết ngắn gọn thành '**d better**, nên dễ khiến ta lúng túng khi phải lập câu hỏi đuôi tương ứng. Khi thấy '**d better**, chỉ cần mượn trợ động từ **Had** để lập câu hỏi đuôi.

– Ví dụ: He'**d better** apologize, **hadn't he**?

h. **Would rather**

– **Would rather** thường được viết gọn là '**d rather** nên cũng dễ gây lúng túng cho bạn. Chỉ cần mượn trợ động từ **Would** cho trường hợp này để lập câu hỏi đuôi.

– Ví dụ: She'**d rather** go to the doctor, **wouldn't she**?

Như vậy Câu hỏi đuôi trong Tiếng Anh hoàn toàn không khó phải không nào. Giờ thì có thể thoải mái ăn điểm ở các câu hỏi liên quan đến nó rồi. Hãy cùng theo dõi những chủ đề tiếp theo để hoàn thiện kiến thức và kỹ năng làm bài thi đại học nhé.

